

Số: /GCN-SXD

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đề ngày 25/4/2025 của Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 19/5/2025 giữa các thành viên đoàn đánh giá và Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; văn bản số 30/HEC14 đề ngày 21/5/2025 của Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội (gửi Sở Xây dựng ngày 26/5/2025) về việc báo cáo kết quả khắc phục các nội dung tồn tại trong Biên bản đánh giá.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103175-004 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/8/2008, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 12/9/2022.

Địa chỉ: Số 95/8/116 phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.38526273

Email: tvdkt@hec.com.vn

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm.**

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 95/8/116 phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 24.020

3. Giấy chứng nhận này bổ sung danh mục chỉ tiêu thí nghiệm và có hiệu lực theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 01/GCN-SXD(GĐCL) ngày 30/01/2024.

Nơi nhận:

- Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội;
- Bộ Xây dựng; | (để báo cáo)
- Đ/c Giám đốc Sở XD; |
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ Sở;
- Lưu: VT, GĐCL (H.N.Duy-05b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thế Công

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM BỔ SUNG
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.020**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số: /GCN-SXD ngày tháng 6 năm 2025)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
I	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
1	Thành phần hạt	TB 10102-2023
2	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TB 10115-2023
3	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút ẩm của đá gốc và cốt liệu lớn	TB 10102-2023 TB 10115-2023
4	Khối lượng thể tích xốp và độ xốp	TB 10102-2023
5	Độ ẩm	TB 10102-2023 TB 10115-2023
6	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét trong cốt liệu nhỏ	TB 10102-2023 TB 10115-2023
7	Lượng tạp chất hữu cơ	TB 10102-2023
8	Cường độ (kháng nén, kháng kéo); hệ số hoá mềm của đá gốc; và độ đồng nhất của đá bằng sóng âm	TB 10115-2023
9	Độ nén đập, trương nở và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TB 10115-2023
10	Độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn va đập Los Angeles	TB 10102-2023 TB 10115-2023
11	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TB 10102-2023 TB 10115-2023
12	Khả năng phản ứng kiềm - silic	TB 10102-2023
13	Hàm lượng clorua	TB 10102-2023
14	Hàm lượng sulfat và sulfit	TB 10102-2023
15	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TB 10102-2023
16	Hàm lượng silic oxit vô định hình	TB 10102-2023
II	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT	
17	Khối lượng riêng/tỷ trọng	TB 10102-2023
18	Độ ẩm và độ hút ẩm	TB 10102-2023
19	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TB 10102-2023
20	Thành phần hạt	TB 10102-2023
21	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TB 10102-2023 TCVN 4199-1995
22	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TB 10102-2023
23	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TB 10102-2023
24	Khối lượng thể tích/dung trọng	TB 10102-2023
25	Chỉ số CBR của đất, đá dăm	TB 10102-2023
26	Sức kháng cắt không cố kết - không thoát nước và cố kết - thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục (UU, CU, CD)	TB 10102-2023
27	Thí nghiệm nén một trục có nở hông có nở hông	TB 10102-2023
28	Hệ số thấm K của đất và cát	TB 10102-2023
29	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TB 10102-2023
30	Xác định các đặc trưng trương nở của đất	TB 10102-2023

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
31	Xác định các đặc trưng cơ ngót của đất	TB 10102-2023
32	Xác định góc nghi của đất rời	TB 10102-2023
33	Hàm lượng hữu cơ	TB 10102-2023 ASTM F1647, ASSHTO T267
III	PHÂN TÍCH HÓA HỌC	
34	Xác định độ pH, nhiệt độ	TB 10104-2003
35	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl^-)	TB 10104-2003
36	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO_4^{2-})	TB 10104-2003
37	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TB 10104-2003
38	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TB 10104-2003
39	Cacbonic (CO_2) tự do và ăn mòn	TB 10104-2003
40	Độ Cacbonat; độ cứng toàn phần; độ cứng không cacbonat	TB 10104-2003
41	Bicacbonat (HCO_3^-) và Cacbonat (CO_3^{2-}); amoni (NH_4^+)	TB 10104-2003
42	Xác định hàm lượng Canxi (Ca^{2+}); Magiê (Mg^{2+}) Độ oxy hoá COD	TB 10104-2003
IV	PHÂN TÍCH HÓA ĐẤT	
43	Xác định độ pH	TB 10103-2008
44	Hàm lượng SO_4^{2-} hoà tan	TB 10103-2008
45	Hàm lượng Cl^- hoà tan	TB 10103-2008
46	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	TB 10103-2008
47	Tổng lượng muối dễ hòa tan trong đất	TB 10103-2008

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu thí nghiệm dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng. Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.